



# **BÁO CÁO**

# **ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG**

## **NĂM 2011**

### **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY DĨ AN**

ĐC: Số 3, Đường số 1, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

ĐT: (0650)3790901 – Fax: (0650)3790905

Website: <http://www.vietgen.com> - Email: [Info@dzima.com](mailto:Info@dzima.com)

**BÁO CÁO**

**TỔNG KẾT SẢN XUẤT**

**KINH DOANH NĂM 2010**

**VÀ**

**PHƯƠNG HƯỚNG NĂM 2011**

*( Kèm báo cáo kiểm toán hợp nhất 2010)*

# TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2010

## *I. Tình hình khách quan*

### **1. Tình hình kinh tế của Việt Nam:**

Có nhiều khó khăn: Tỷ giá chính thức USD tăng 10,6%, từ 17.941 đồng /usd đầu năm lên tới 18.932 đồng/usd cuối năm. Đồng thời tỉ giá trên thị trường tự do cuối năm cao hơn 10% so với tỉ giá chính thức và tăng liên tiếp trong những tháng cuối năm. Lãi suất từ tháng 8 năm 2010, tăng mạnh do việc khan hiếm nguồn vốn dẫn đến lãi suất trung bình cho doanh nghiệp vay lên đến 17-18%. Lạm phát tăng cao đạt mức 11,75% toàn năm. GDP tăng 6,78% so với năm trước, trong đó khu vực công nghiệp tăng 7,7%. Trong giá trị sản xuất của toàn ngành công nghiệp thì công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng lớn nhất (89,4%) và đạt tốc độ tăng 14,7% so với năm trước.

### **2. Tình hình ngành điện:**

Theo EVN thì tốc độ tăng trưởng của ngành đạt 15,3% nhưng tình trạng thiếu điện nghiêm trọng vẫn diễn ra. EVN đã phải mua điện từ nguồn ngoài nhưng năm 2010 vẫn thiếu hụt 1 tỷ Kwh.

## *II. Thuận lợi và khó khăn*

### **1. Thuận lợi:**

Năm 2010 chỉ có 2 thuận lợi chính cho Dzima là nguồn điện vẫn thiếu trầm trọng dẫn tới nhu cầu máy phát điện vẫn duy trì ở mức cao, đồng thời thương hiệu Vietgen đã được định vị trên thị trường với đội ngũ bán hàng năng động hiệu quả.

### **2. Khó khăn:** Năm 2010 công ty đã phải đối mặt với 3 khó khăn chính sau đây:

- Hệ thống quản lý: Tổ chức nhân sự cồng kềnh thiếu hiệu quả như mong đợi. Đặc biệt là các bộ phận thiết kế và sản xuất yếu kém về cả phương tiện vật chất và chất lượng công việc, không đáp ứng được nhu cầu của khách hàng.
- Tài chính công ty: Chi phí tài chính tăng cao một mặt do nhà máy điện sinh khối Tonle Bet Biomass Power Plant (TBBP) chậm đưa vào hoạt động. Mặt khác công tác lập kế hoạch chưa tốt dẫn đến vốn lưu động lớn, vòng quay thấp và chi phí tăng.

- Tình hình nhà máy điện: Chậm đưa vào sử dụng do thời gian chạy thử và điều chỉnh kéo dài. Đồng thời do hạn chế về nguồn kinh phí nên chưa bổ nhiệm được bộ máy nhân sự đầy đủ nói chung và Giám đốc nhà máy điện nói riêng.

### ***III. Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh***

#### **1. Kết quả sản xuất kinh doanh**

- Kinh doanh máy phát điện: Năm 2010 tổng số máy phát điện tiêu thụ ra thị trường đạt 513 máy bằng doanh thu 199.5 tỷ đồng. Trong đó doanh thu máy phát điện công nghiệp cỡ vừa và nhỏ (10-560KVA) chiếm gần 87%, doanh thu máy phát điện cỡ lớn chiếm 13%, doanh thu của máy phát điện dân dụng chiếm tỉ lệ không đáng kể. So với kế hoạch tổng doanh thu máy phát điện 210 tỷ đồng thì doanh thu thực hiện được 95% kế hoạch và tăng 10 % so với doanh thu thực hiện năm 2009. Tuy nhiên lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 20% so với kế hoạch và bằng 28% so với năm 2009.
- Kinh doanh điện: Kết thúc năm 2010 doanh thu bán điện từ nhà máy điện vẫn chưa thực hiện được trong khi kế hoạch doanh thu này là 20 tỷ đồng.

*Bảng 1: Tổng doanh thu, lợi nhuận trước thuế và sau thuế năm 2010*

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
1	Doanh thu	177	181	199.5
2	Lợi nhuận trước thuế	20,7	19,0	6
3	Lợi nhuận sau thuế	19,9	18,0	5

#### **2. Phân phối lợi nhuận:**

*Bảng 2: tình hình phân phối lợi nhuận năm 2010*

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2010	Thực hiện năm 2010
1	Lãi sau thuế	Tỷ đồng	25,5	5
2	Trích quỹ đầu tư phát triển	Tỷ đồng	2,55	0,4
3	Trích quỹ dự phòng tài chính	Tỷ đồng	1,275	0,2
4	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	Tỷ đồng	1,530	0,24
5	Trích quỹ trợ cấp mất việc	Tỷ đồng		
6	Chi trả cổ tức bằng tiền mặt	Tỷ đồng	7,650	
7	Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu	Tỷ lệ		
8	<b>Lợi nhuận để lại</b>	Tỷ đồng	12,520	4,16

## ***IV. Quản trị nhân sự***

Tình hình nhân sự cho thấy năm 2010 tổng số lao động tăng 34%, tương ứng tăng 43 người, mức lương bình quân tăng 3,6% tuy nhiên vì tình hình kinh doanh của công ty gặp khó khăn nên dẫn đến việc cắt giảm quỹ thưởng đến 62% do đó tổng thu nhập bình quân đầu người giảm 7,6% so với năm 2009.

*Bảng 3: Tình hình nhân sự năm 2010*

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2009	Năm 2010	Ghi chú
1	Tổng số lao động	Người	178	221	
2	Cán bộ quản lý	Người	16	21	
3	Số người thôi việc	Người	29	85	
4	Số người tuyển thêm	Người	56	121	
5	Tổng quỹ lương	Triệu đồng	11.000	14.136	Tăng 29%
6	Tổng quỹ thưởng	Triệu đồng	1.024	393	Giảm 62%
7	Tổng thu nhập bình quân đầu người	Triệu đ/tháng	5,6	5,17	Giảm 7,6%
8	Tổng chi phí đền bù thôi việc	Triệu đồng	18	34	Tăng 89%

## ***V. Quản lý tài chính***

- Cuối năm 2010 vốn lưu động bị lưu giữ trong các khoản phải thu và tồn kho đều tăng cao hơn nhiều so với kế hoạch (tương ứng là 54 tỷ đồng và 43.8 tỷ đồng). Do vậy Công ty đã phải huy động nhiều vốn vay ngắn hạn từ cá nhân và từ ngân hàng. Tuy nhiên cuối năm, công ty đã siết chặt lại việc quản lý vốn lưu động và giảm được 48 tỷ đồng các khoản vay ngắn hạn. Ngoài ra tình hình tài chính của công ty cũng phải chịu ảnh hưởng trầm trọng của việc tăng tỉ giá USD và tăng lãi suất khiến chi phí tài chính cao.
- Thực hiện kế hoạch tăng vốn: Năm 2010 kế hoạch tăng vốn điều lệ qua phương án như sau: Phát hành 4.107.980 cổ phần, vốn điều lệ sau khi phát hành sẽ là 72,1 tỷ đồng, dự kiến số tiền thu được là 63 tỷ đồng. Tuy nhiên kết thúc năm 2010 công ty chỉ tăng được 6 tỷ đồng đưa vốn chủ sở hữu lên 31 tỷ đồng thông qua việc niêm yết thêm 607.980 cổ phiếu đạt 14,8% kế hoạch.

- Phân phối nguồn lực tài chính:

*Bảng 4: Bảng cân đối kế toán hợp nhất có kiểm toán ngày 31/12/ 2010*

Chỉ tiêu	Mã số	Tại ngày 31.12.2009	Tại ngày 31.12.2010	Kế hoạch 2010
<b>Tài sản</b>				Triệu đồng
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>	<b>171.789.942.352</b>	<b>130.499.125.873</b>	<b>160.000</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	14.133.614.910	6.918.111.436	30.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	0	4.925.960.000	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	78.062.762.453	59.687.738.503	65.000
IV. Hàng tồn kho	140	60.782.705.517	43.791.254.689	50.000
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	18.810.859.472	15.176.061.245	15.000
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>	<b>11.830.799.042</b>	<b>63.289.698.875</b>	<b>56.000</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	0		0
II. Tài sản cố định	220	10.620.914.863	56.658.189.329	16.000
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	0		40.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260	1.209.884.179	10.536.824.769	0
<b>Tổng tài sản</b>	<b>270</b>	<b>183.620.741.394</b>	<b>193.788.824.748</b>	<b>216.000</b>
<b>Nguồn vốn</b>				
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>	<b>121.466.182.873</b>	<b>110.142.558.991</b>	<b>72.000</b>
I. Nợ ngắn hạn	310	121.040.227.458	107.478.000.627	65.000
II. Nợ dài hạn	330	425.955.415	2.664.558.364	7.000
<b>B. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>	<b>62.154.558.521</b>	<b>83.646.265.757</b>	<b>144.000</b>
I. Vốn chủ sở hữu	410	62.154.558.521	83.646.265.757	142.000
II. Nguồn kinh phí, Quỹ khác	430	0	0	2.000
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>440</b>	<b>183.620.741.394</b>	<b>193.788.824.748</b>	<b>216.000</b>

## VI. Công tác đầu tư cơ bản

Kết thúc năm 2010, các kế hoạch đầu tư của công ty gần như chưa thực hiện được. Cụ thể là nhà máy điện sinh khối Tonle Bet Biomass Power Plant (TBBP) mới xây dựng xong 4 tổ máy với công suất 1.600 kW, phát điện từ đầu tháng 3 năm 2011, trong khi công suất lắp đặt theo kế hoạch là 8 tổ máy, 3.200 kW.

Nhà máy điện Tonle Sap Biomass Power Plant (TSBP) công suất 3.200kW chưa thực hiện gì. Nhà máy chế tạo máy phát điện ở Đà Nẵng đã bị hủy bỏ hoàn toàn do thiếu vốn.

Bảng 5: Tình hình đầu tư cơ bản năm 2010

Stt	Hạng mục	Kế hoạch 2010	Thực hiện 2010	Tỷ lệ thực hiện
1	NM CTM Đà Nẵng	7.000.000.000	-	0%
2	NMĐ sinh khối TBBP	25.000.000.000	49.353.872.429	197%
3	NMĐ sinh khối TSBP	45.000.000.000	1.359.594.575	3%
4	<b>Tổng Cộng</b>	77.000.000.000	50.713.467.004	

## VII. Đánh giá chung

Năm 2010 là năm thứ hai Dzima hoạt động theo mô hình công ty cổ phần niêm yết. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh từ sau khi niêm yết cho thấy mặc dù đã xác định đúng đắn những tiềm năng phát triển nhưng công ty chưa có những cải tiến sâu sắc về nhân sự, về tài chính để đáp ứng với yêu cầu phát triển của một công ty cổ phần đại chúng.

Tình trạng dậm chân tại chỗ của công ty là một minh chứng cho việc không có chiến lược hành động tổng quát lâu dài, không tập trung xây dựng lợi thế cạnh tranh và thiếu vắng một bộ máy quản lý chuyên nghiệp.

Tuy nhiên cũng qua năm 2010, công ty có thể rút ra những bài học về thế mạnh, điểm yếu của công ty, cơ hội trong thị trường và do vậy sẽ tạo điều kiện để công ty thay đổi và vươn lên trong các năm tiếp theo.

# Phần II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2011

## *I. Phân tích SWOT*

### **1. Điểm mạnh**

- Uy tín và kinh nghiệm của công ty trong ngành kinh doanh máy phát điện và ngành sản xuất điện sinh khối sẽ giúp công ty có được những đối tác và củng cố được mối quan hệ chiến lược trên thị trường.
- Quyết tâm cải tiến bộ máy kinh doanh máy phát điện, tiến hành từ cuối năm 2010, sẽ nâng cao năng lực cạnh tranh của nội dung kinh doanh máy phát điện.
- Hoàn thành xây dựng và đưa nhà máy điện Tonle Bet Biomass Power Plant vào hoạt động góp phần tạo ra nguồn thu và tạo điều kiện tiếp tục xây dựng nhà máy điện thứ hai Tonle Sap Biomass Power Plant.

### **2. Điểm yếu**

- Mô hình hoạt động nặng tính thủ công, sử dụng nhiều lao động gây ra chi phí lớn nhưng chất lượng công việc kém.
- Mặt bằng và cơ sở vật chất kỹ thuật của hoạt động sản xuất máy phát điện nhỏ bé lạc hậu.
- Nguồn lực tài chính nhỏ bé so với các tham vọng phát triển của công ty.

### **3. Cơ hội**

- Việt Nam và Campuchia vẫn trong tình trạng thiếu điện nặng trong năm 2011. Theo EVN dự báo thì phụ tải năm 2011 là 117,3 tỷ kWh, tăng 17,63% và mức thiếu hụt khoảng 3 tỷ kWh, tương đương với công suất phát điện dự phòng là 4,3 triệu KW hay 43.000 cái máy phát điện 100KW. Tốc độ tăng trưởng tiêu thụ điện của Campuchia vào khoảng 25-30%/năm càng làm tình trạng thiếu hụt điện tăng cao ở Campuchia. Đây là cơ hội lớn cho việc kinh doanh máy phát điện ở Việt Nam và kinh doanh điện năng ở Campuchia.
- Nhiều đối thủ bị suy yếu do khủng hoảng kinh tế kéo dài và điều kiện vĩ mô không thuận lợi.



#### **4. Thách thức**

- Điều kiện vĩ mô không ổn định về tài chính của Việt Nam cũng như của thế giới với tỉ giá thay đổi, lạm phát và lãi suất cao làm triệt tiêu hiệu quả kinh doanh của công ty.
- Việt nam không còn lợi thế cạnh tranh về giá nhân công rẻ nữa. Tình trạng thiếu nhân sự cấp cao và tốc độ tăng thu nhập của người lao động thách thức công ty trong cải tiến và củng cố đội ngũ nhân sự.

## ***II. Mục tiêu và nhiệm vụ***

### **1. Mục tiêu:**

Mục tiêu của công ty là trở thành nhà cung cấp giải pháp nguồn điện dự phòng và nguồn điện phi tập trung hàng đầu ở Việt Nam và khu vực.

### **2. Nhiệm vụ:**

Để thực hiện mục tiêu trên, công ty cần thực hiện các nhiệm vụ chiến lược sau đây:

- Duy trì kinh doanh máy phát điện công nghiệp và kinh doanh điện sinh khối trấu.
- Phát triển và đưa sản phẩm máy phát điện dân dụng thành sản phẩm chính của công ty.
- Tìm kiếm cơ hội kinh doanh dự án nhà máy điện phi tập trung theo phương thức BOT, BT hoặc cổ phần hóa
- Cải tiến quản lý theo hướng phát huy điểm mạnh và kiên quyết tránh xa điểm yếu của Dzima. Xây dựng nguồn nhân lực có tính mũi nhọn, không dàn trải lan man.

## ***III. Sản xuất:***

### **1. Sản xuất máy phát điện:**

Căn cứ và điều kiện và khả năng thực tế của công ty, chiến lược phát triển sản xuất máy phát điện năm 2011 cần có sự cải tiến sâu sắc để vẫn đạt được mục tiêu chất lượng xuất sắc và chi phí thấp nhất. Những điểm cải tiến chính là: Tăng cường gia công bên ngoài các khâu và bộ phận không quan trọng; đưa sản phẩm máy phát điện dân dụng vào sản xuất và lưu thông; khai thác các nguồn vật tư tốt nhưng rẻ trên thế giới, đặc biệt là từ Trung Quốc và nâng cấp chất lượng sản phẩm từ thiết kế tới sản xuất phải xuất sắc hơn đối thủ.

### **2. Sản xuất điện năng:**

Tận dụng lợi thế cạnh tranh của các dự án sản xuất điện sinh khối ở Campuchia để chiếm lĩnh vị trí hàng đầu trong sản xuất điện năng sạch và phi tập trung tại đây. Cụ thể bao gồm các chiến lược: Xây dựng mạng lưới thu mua trấu hiệu quả ở Campuchia; nâng cao trình

độ vận hành và sửa chữa đảm bảo giảm thiểu thời gian ngừng nghỉ vì sự cố; nâng cao chất lượng điều độ để đạt hệ số sử dụng công suất > 70%.

#### ***IV. Đầu tư cơ bản***

- Hoàn thành toàn bộ nhà máy điện TBBP, công suất thương mại 3.000kW và đưa vào sử dụng từ tháng 7 năm 2011.
- Chuẩn bị sẵn sàng các điều kiện để khi thị trường tài chính thuận lợi sẽ tiến hành đầu tư giai đoạn 1 nhà máy điện TSBP, công suất thương mại là 1.400kW. Trị giá giai đoạn 1 tương đương với 70% của tổng giá trị.

*Bảng 6: Kế hoạch đầu tư năm 2011*

Thời gian	Nội dung	Địa điểm	Giá trị đầu tư	Công suất
Tháng 3-6/ 2011	Đầu tư xây dựng giai đoạn 2 của nhà máy điện TBBP	Ấp Tuol Vihea, Xã Chiro Pi Sok, Huyện Tboungkhmum, Tỉnh Kampong Cham, Cambodia	750.000 \$	3.000kW
Tháng 7-12/2011	Đầu tư xây dựng hoàn thành giai đoạn 1 nhà máy TSBP	Ấp Tropeang Chobok, Xã Longvek, Huyện Kompong Trolack, Tỉnh Kampong Chnang Cambodia	2.500.000 \$	1.400kW

#### ***V. Nghiên cứu phát triển***

- Chế biến tro trấu thành sản phẩm Nano Silica có giá trị thương mại cao bằng phương pháp đốt cháy carbon dư thừa, hòa tan Silica bằng xút và kết tủa Silica bằng acid.
- Sản xuất đầu phát điện cho máy phát điện dân dụng bao gồm các công nghệ dập lõi, quấn dây, tẩm sấy và lắp ráp.
- Kế hoạch về chi phí và thời gian do Tổng Giám đốc quyết định và HĐQT phê duyệt.

## VI. Tài chính

### 1. Phân bổ nguồn lực tài chính năm 2011 sẽ dự kiến như sau:

Bảng 7: Kế hoạch cân đối kế toán năm 2011

Chỉ tiêu	Mã số	Tại ngày 31.12.2010	Kế hoạch 2011
<b>Tài sản</b>			
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>	<b>130.499.125.873</b>	<b>131.000.000.000</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6.918.111.436	9.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.925.960.000	5.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	59.687.738.503	60.000.000.000
IV. Hàng tồn kho	140	43.791.254.689	39.000.000.000
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	15.176.061.245	18.000.000.000
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>	<b>63.289.698.875</b>	<b>124.000.000.000</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn			18.000.000.000
II. Tài sản cố định	210	56.658.189.329	73.000.000.000
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		10.000.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260	10.536.824.769	23.000.000.000
<b>Tổng tài sản</b>	<b>270</b>	<b>193.788.824.748</b>	<b>255.000.000.000</b>
<b>Nguồn vốn</b>			
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>	<b>110.142.558.991</b>	<b>150.000.000.000</b>
I. Nợ ngắn hạn	310	107.478.000.627	149.000.000.000
II. Nợ dài hạn	330	2.664.558.364	1.000.000.000
<b>B. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>	<b>83.646.265.757</b>	<b>105.000.000.000</b>
I. Vốn chủ sở hữu	410	83.646.265.757	103.000.000.000
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430	-	2.000.000.000
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>440</b>	<b>193.788.824.748</b>	<b>255.000.000.000</b>

### 2. Phát hành tăng vốn:

Để có đủ nguồn vốn lưu động và vốn đầu tư dài hạn cần thiết cho kế hoạch phát triển của công ty, dự kiến sẽ phát hành cổ phiếu như sau: Phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1 với giá phát hành bằng mệnh giá. Vốn chủ sở hữu dự kiến tăng lên là 105 tỷ đồng.

Phương án sử dụng nguồn vốn thu về từ phát hành cổ phiếu chủ yếu để xây dựng giai đoạn 2 nhà máy điện TBBP và bổ sung nguồn vốn lưu động.

### 3. Vay nợ ngân hàng:

Song song với việc tăng vốn, công ty cần bổ sung nguồn vốn vay ngắn hạn là 60 tỷ đồng (thời gian vay ngắn hơn 36 tháng), tăng so với cuối năm 2010 là 12 tỉ Đ. Nguồn vay từ các ngân hàng trong nước, dự kiến là 40 tỷ đồng, tăng 10 tỷ đồng so với năm 2010. Đồng thời vay 20 tỷ đồng từ các ngân hàng Campuchia. Mục đích của khoản vay ngắn hạn này để

bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh và xây dựng giai đoạn 2 dự án nhà máy điện nói trên.

#### **4. Phương án IPO nhà máy điện TBBP trên sàn chứng khoán Campuchia:**

Chuẩn bị sẵn sàng các điều kiện để ngay khi được phép, công ty sẽ IPO nhà máy điện ở sở giao dịch chứng khoán Campuchia dự kiến bán được ít nhất 50% tổng số cổ phần. Khoản tiền thu được từ việc IPO nhà máy điện này sẽ được dùng để tiếp tục mở rộng kinh doanh điện sinh khối như nói ở trên. Phương án cụ thể sẽ do HĐQT đề xuất và được ĐHCĐ phê duyệt khi có kế hoạch chi tiết.

## ***VII. Nhân sự quản trị cao cấp***

### **1. Hội đồng Quản trị:**

- Chủ tịch HĐQT: Lương hàng năm của CTHĐQT là 240 triệu đồng.
- Thành viên HĐQT chuyên trách: Lương hàng năm là 180 triệu đồng. Các nhiệm vụ chuyên trách có thể là tài chính, kinh doanh máy phát điện, kinh doanh điện sinh khối.
- Thành viên HĐQT không chuyên: Lương hàng năm là 60 triệu đồng.
- Chủ tịch và các thành viên HĐQT không được hưởng các khoản thu nhập hoặc thưởng nào khác từ công ty trừ khi có quyết định khác của ĐHCĐ.

### **2. Ban Giám đốc:**

- Tổng Giám đốc:

Lương hàng năm: không quá 720 triệu đồng, tiền lương sẽ chi trả bằng tiền mặt và được hạch toán hàng tháng vào chi phí quản lý của công ty.

Thưởng 5% lợi nhuận sau thuế vượt mức so với kế hoạch. Không hưởng chế độ khen thưởng từ quỹ khen thưởng của công ty.

- Giám đốc các Bộ phận: Kỹ thuật và Sản xuất, Thương Mại (Máy phát điện), Tài chính, Nhà máy điện và kế toán trưởng công ty do TGD tuyển chọn, bổ nhiệm và chi trả thù lao nhưng phải được HĐQT phê duyệt.

### **3. Ban Kiểm Soát:**

- Trưởng BKS: Lương hàng năm là 96 triệu đồng.
- Thành viên BKS: Lương hàng năm là 48 triệu đồng.
- Thành viên và trưởng BKS không được hưởng các khoản thu nhập hoặc thưởng nào khác từ công ty trừ khi có quyết định khác của ĐHCĐ.

## VIII. Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu

### 1. Chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận

Bảng 8: Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2011

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2010	Kế hoạch năm 2011
1	Doanh thu MPĐ công nghiệp	Tỷ đồng	199,5	260
2	Doanh thu MPĐ dân dụng	Tỷ đồng	0	10
3	Doanh thu bán điện	Tỷ đồng	0	25
<b>5</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	Tỷ đồng	199,5	295
6	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	6	29,1
7	Tổng lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	5	23,7

### 2. Chỉ tiêu phân phối lợi nhuận:

Bảng 9: Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2011

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2011
1	Lãi sau thuế	Tỷ đồng	23,7
2	Trích quỹ đầu tư phát triển	Tỷ đồng	2,4
3	Trích quỹ dự phòng tài chính	Tỷ đồng	1,2
4	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	Tỷ đồng	1,4
5	Chi trả cổ tức	Tỷ đồng	8,2
<b>6</b>	<b>Lợi nhuận để lại</b>	Tỷ đồng	10,5

Chi tiết tỷ lệ trích quỹ dự kiến năm 2011 như sau:

- Trích quỹ dự phòng tài chính: 5% lợi nhuận sau thuế
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển: 10% lợi nhuận sau thuế
- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi: 6% lợi nhuận sau thuế
- Chi trả cổ tức bằng tỷ lệ 20% trên mệnh giá

### 3. Các chỉ số tài chính:

Bảng 10: Các chỉ số tài chính chủ yếu

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị
1	Lợi nhuận/Doanh thu		
	<i>Trước thuế</i>	%	10
	<i>Sau thuế</i>	%	8
2	Lợi nhuận/Tổng tài sản		
	<i>Trước thuế</i>	%	10
	<i>Sau thuế</i>	%	8
3	Lợi nhuận/Vốn CSH		
	<i>Trước thuế</i>	%	22
	<i>Sau thuế</i>	%	18
4	EPS	Đồng	5.300
5	P/E		6,6

## ***IX. Kết luận***

Đặc điểm chung của môi trường kinh doanh trong năm 2011 có thể là sự không ổn định, khó dự đoán của các điều kiện kinh tế vĩ mô trong nước cũng như trên thế giới. Đồng thời chính bản thân Dzima cũng có những thách thức nội tại của một doanh nghiệp nhỏ phải chiến thắng những lề thói và lối mòn của chính mình để tìm kiếm cơ hội phát triển thành một công ty qui mô lớn hơn.

Năm 2010 đã để lại nhiều bài học về chiến lược cũng như về quản trị sự phát triển của doanh nghiệp. Kết quả kinh doanh cụ thể không xuất sắc, không đạt kế hoạch, nhưng điểm mạnh và điểm yếu của công ty đã bộc lộ, nhiều cơ hội và cạm bẫy cũng hiện ra rõ ràng hơn.

Năm 2011, toàn thể công ty sẽ tập trung xây dựng lợi thế cạnh tranh riêng biệt cho hoạt động kinh doanh máy phát điện, quyết tâm phát triển sự nghiệp kinh doanh điện sinh khối, xây dựng nền tảng vững chắc về quản trị tài chính và chiếm lại thứ bậc cao về thu nhập của người lao động trong xã hội.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO MÁY DZĨ AN  
CHỦ TỊCH**



**Đặng Đình Hưng**